

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2025/QĐST-DS

Cẩm Khê, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thiệu, ông Thẩm Văn Minh;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213, Điều 217, Điều 218, Điều 235, khoản 2 Điều 244; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1948

Địa chỉ: khu K, xã L, huyện L (Nay là khu K, xã L), tỉnh T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ: Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1- tỉnh T (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đ H D, sinh ngày 19/01/1965

Địa chỉ: khu K, xã L, huyện L (Nay là khu K, xã L), tỉnh T (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà N T N, sinh năm 1976 (vợ ông D)

Địa chỉ: khu K, xã L, huyện L (Nay là khu K, xã L), tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Ông Đ H D, sinh năm 1965. Địa chỉ: khu K, xã L, huyện L (Nay là khu K, xã L), tỉnh T (có mặt - là chồng bà N).

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND xã L và UBND Huyện L, tỉnh T là UBND xã L, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông N V T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Bà Đ, ông D đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6- T ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất:

2.1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ về việc khởi kiện ông Đ H D trả cho bà diện tích đất 509,9 m² (đất trồng cây lâu năm) của ông Đ H D và bà N T N tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 40. Địa chỉ đất: khu K, xã L, huyện L (*nay là khu K, xã L*), tỉnh T, do tại phiên tòa bà Đ rút yêu cầu khởi kiện này (*có ký hiệu là S3, có vị trí, các phía tiếp giáp; chiều dài các cạnh như sơ đồ trích lục kèm theo*). Bà Đ có quyền khởi kiện lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.1.2. Bà Hoàng Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất 925,8 m² (đất trồng cây lâu năm), diện tích đất này nằm trong thửa đất số 01, tờ bản đồ 40, Địa chỉ đất: khu K, xã L, huyện L (*nay là khu K, xã L*), tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ506249 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/01/2019 cho ông Đ H D và bà N T N (*có ký hiệu là S4, có vị trí, các phía tiếp giáp; chiều dài các cạnh như sơ đồ trích lục kèm theo*).

Ông D, bà Đ đều không yêu cầu giải quyết về tài sản trên đất tranh chấp.

Ông D, bà Đ có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí: Ông Đ H D, bà Hoàng Thị Đ đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về chi phí tố tụng:

- Về tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hai bên thỏa thuận bà Đ, ông D mỗi người chịu ½ số tiền trên là 1.500.000 đồng. Xác nhận bà Đ đã nộp đủ số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên ông D có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tiền đo đạc đất là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*), bà Đ tự nguyện xin chịu toàn bộ số tiền trên, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xác nhận bà Đ đã nộp đủ số tiền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6- T;
- UBND xã L;
- Thi hành án DS tỉnh T;
- Phòng THADS khu vực 6- T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

Đỗ Thị Thảo